

BÁO CÁO

Dự ước kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tháng 03/2019.

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 3/2019 đạt khoảng 3.294 triệu USD tăng khoảng 70% so với tháng 02/2019 và tăng khoảng 9,67% so với cùng kỳ. Trong đó: Kim ngạch xuất khẩu tháng 3/2019 đạt khoảng 1.764 triệu USD tăng khoảng 70,8% so với tháng 02/2019 và tăng khoảng 10,4% so với cùng kỳ, khối FDI ước đạt 1.540 triệu USD tăng khoảng 10,5% so với cùng kỳ. Kim ngạch nhập khẩu tháng 3/2019 đạt khoảng 1.529 triệu USD tăng khoảng 69,15% so với tháng 02/2019 và tăng khoảng 8,8% so với cùng kỳ, khối FDI ước đạt 1.323 triệu USD tăng khoảng 9,36% so với cùng kỳ. Xuất siêu tháng 3/2019 đạt khoảng 235 triệu USD.

Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt khoảng 8.474 triệu USD, tăng khoảng 5,59% so với cùng kỳ, trong đó: Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 4.586 triệu USD tăng khoảng 7,05% so với cùng kỳ, khối FDI ước đạt 3.939 triệu USD (chiếm 85,8%) tăng 7,17% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 3.887 triệu USD tăng khoảng 3,91% so với cùng kỳ, khối FDI ước đạt 3.336 triệu USD (chiếm 85,8%), tăng khoảng 4,16% so với cùng kỳ. Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019, xuất siêu đạt 698 triệu USD. Sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất nhập khẩu đã phục hồi trở lại.

II. MỘT SỐ NHÓM HÀNG XUẤT KHẨU CHÍNH

1. Giày dép các loại

Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng giày dép tháng 3/2019 ước đạt 363 triệu USD tăng khoảng 50% so với tháng 02/2019 và tăng khoảng 21% so với cùng kỳ.

Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng giày dép các loại tăng trưởng khá ở hầu hết các thị trường: Hoa Kỳ 136 triệu USD (tăng khoảng 5,4%); Trung Quốc 57 triệu USD (tăng khoảng 48%); Bỉ 41,7 triệu USD (tăng khoảng 37,9%); Anh 15,2 triệu USD (tăng khoảng 9,7%); Đức 14,3 triệu USD (tăng khoảng 17,2%); Nhật Bản 14 triệu USD (tăng khoảng 37,5%); Hà Lan 8,8 triệu USD (tăng khoảng 73%);... Riêng thị trường Hàn Quốc và Pháp có kim ngạch xuất khẩu giảm lần lượt là 0,5% và 20,6% so với cùng kỳ.

Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019 kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng giày dép ước đạt 995 triệu USD, tăng khoảng 20,6% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu giày dép các loại vào một số thị trường chủ yếu so với cùng kỳ như sau:

Hoa Kỳ 368 triệu USD (tăng khoảng 9,6%); Trung Quốc 169 triệu USD (tăng khoảng 55%); Bỉ 114 triệu USD (tăng khoảng 29%); Anh 42 triệu USD (tăng khoảng 13,7%); Đức 37 triệu USD (tăng khoảng 13,8%); Nhật Bản 36 triệu USD (tăng khoảng 7,9%); Hà Lan 21,8 triệu USD (tăng khoảng 41,7%);...

2. Hàng dệt may

Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may tháng 3/2019 ước đạt 207 triệu USD tăng khoảng 139% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 24,6% so với cùng kỳ.

Theo dự ước tháng 3/2019, các thị trường chủ yếu đều có mức tăng trưởng khá cao so với cùng kỳ như: Hoa Kỳ 72,8 triệu USD (tăng khoảng 15,8%); Nhật Bản 22,4 triệu USD (tăng khoảng 27%); Pháp 9,2 triệu USD (giảm khoảng 16,2%); Campuchia 14 triệu USD (tăng khoảng 92%); Hàn Quốc 12,9 triệu USD (tăng khoảng 60%); Trung Quốc 10,4 triệu USD (tăng khoảng 52%); Indonesia 8,6 triệu USD (tăng khoảng 52%); Hà Lan 5,4 triệu USD (tăng khoảng 18%); Thái Lan 5,8 triệu USD (tăng khoảng 18%); Đức 4,2 triệu USD (tăng khoảng 29,6%); Bỉ 3,9 triệu USD (tăng khoảng 28,3%).

Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019 kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may ước đạt 507,5 triệu USD, tăng khoảng 8,75% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào một số thị trường chủ yếu so với cùng kỳ như sau: Hoa Kỳ 192,6 triệu USD (tăng khoảng 3,8%); Nhật Bản 55,3 triệu USD (tăng khoảng 6,8%); Pháp 27 triệu USD (giảm khoảng 2,7%); Campuchia 29 triệu USD (tăng khoảng 54,9%); Hàn Quốc 27,9 triệu USD (tăng khoảng 14%); Trung Quốc 23,5 triệu USD (tăng khoảng 36%); Indonesia 20 triệu USD (tăng khoảng 40%); Hà Lan 13,7 triệu USD (giảm khoảng 3,8%); Thái Lan 12,3 triệu USD (tăng khoảng 45%).

Theo Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nhận định: Lợi thế dành cho Việt Nam đến từ CPTPP với hai thị trường xuất khẩu dệt may tiềm năng là 20 tỷ USD của Canada và 40 tỷ USD của Úc. Việt Nam hiện mới chỉ có 4-5% từ các thị trường này, 6 tháng cuối năm 2019 sẽ có thêm thị trường EU, từ đó có thể tăng thêm khoảng 1 tỷ USD. Chính vì thế đứng trong phương án giữ được các thị trường xuất khẩu chính ổn định, hiệp định EVFTA đi vào hiệu lực, tận dụng tốt CPTPP, ngành dệt May Việt Nam đặt mục tiêu xuất khẩu 40 tỷ USD trong năm 2019.

3. Máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng

Kim ngạch xuất khẩu máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng tháng 3/2019 đạt 145,9 triệu USD tăng 83,6% so với tháng 02/2019 và tăng 22,2% so với cùng kỳ.

Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng tại các thị trường chủ yếu tháng 3/2019 như sau: Hoa Kỳ 31,6 triệu USD (tăng khoảng 39,7%); Nhật Bản 18 triệu USD (tăng khoảng 29,75%); Philippines 9,76 triệu USD (giảm khoảng 7,56%); Trung Quốc 11,6 triệu USD (tăng khoảng 57,16%); Hồng Kông 9,2 triệu USD (tăng khoảng 20,36%); Thái Lan 8,6 triệu USD (tăng khoảng 78,7%); Hàn Quốc 8,1 triệu USD (tăng khoảng 83,4%); Hà

Lan 5,1 triệu USD (giảm khoảng 2,67%); Đức 3,8 triệu USD (giảm khoảng 7%); Slovenia 4,6 triệu USD (tăng khoảng 43%);...

Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng đạt 369 triệu USD tăng 19% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng vào một số thị trường chủ yếu so với cùng kỳ như sau: Hoa Kỳ 81,7 triệu USD (tăng khoảng 41,6%); Nhật Bản 45 triệu USD (tăng khoảng 19,14%); Philipines 26,35 triệu USD (tăng khoảng 2,23%); Trung Quốc 26,8 triệu USD (tăng khoảng 22,37%); Hồng Kông 22 triệu USD (tăng khoảng 15,36%); Thái Lan 19,8 triệu USD (tăng khoảng 39%); Hàn Quốc 19 triệu USD (tăng khoảng 76,7%); Hà Lan 14 triệu USD (tăng khoảng 4,9%);...

4. Xơ, sợi dệt các loại

Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng xơ, sợi dệt các loại tháng 3/2019 ước đạt 145,4 triệu USD tăng khoảng 40% so với tháng trước và tăng khoảng 1,44% so với cùng kỳ.

Kim ngạch xuất khẩu xơ sợi dệt tháng 3/2019 vào một số thị trường chủ yếu so với cùng kỳ như sau: Trung Quốc 50 triệu USD (tương đương với cùng kỳ); Hàn Quốc 19,7 triệu USD (tăng khoảng 1,96%); Ấn Độ 11,4 triệu USD (tăng khoảng 14,26%); Thổ Nhĩ Kỳ 9,2 triệu USD (giảm khoảng 14,6%); Thái Lan 7,5 triệu USD (tăng khoảng 47%); Brazil 6,2 triệu USD (tăng khoảng 11,7%);...

Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019 xuất khẩu xơ, sợi dệt các loại ước đạt 378 triệu USD giảm khoảng 1,7% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu xơ sợi dệt vào một số thị trường chủ yếu như sau: Trung Quốc 130 triệu USD (tăng khoảng 4,1%); Hàn Quốc 52,6 triệu USD (giảm khoảng 5,9%); Ấn Độ 28,7 triệu USD (giảm khoảng 3,5%); Thổ Nhĩ Kỳ 24 triệu USD (giảm khoảng 14,5%); Thái Lan 18,4 triệu USD (tăng khoảng 37,6%); Brazil 14,3 triệu USD (tương đương so với cùng kỳ);...

5. Gỗ & sản phẩm gỗ

Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ tháng 3/2019 ước đạt 127,7 triệu USD tăng khoảng 176% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 15% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu vào một số thị trường chủ yếu như sau: Hoa Kỳ 78,2 triệu USD (tăng khoảng 20,4%); Hàn Quốc 14,6 triệu USD (giảm khoảng 3,2%); Nhật Bản 17,6 triệu USD (tăng khoảng 108%); Australia 3,3 triệu USD (giảm khoảng 3,9%); Anh 2,3 triệu USD (giảm khoảng 13,6%); Canada 3,3 triệu USD (tăng khoảng 22%);...

Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019 xuất khẩu mặt hàng gỗ và các sản phẩm từ gỗ ước đạt 317,8 triệu USD, tăng khoảng 11% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào một số thị trường chủ yếu như sau: Hoa Kỳ 198 triệu USD (tăng khoảng 19,2%); Hàn Quốc 37 triệu USD (tăng khoảng 1,6%); Nhật Bản 36,8 triệu USD (tăng khoảng 26,7%); Australia 8,4 triệu USD (giảm

khoảng 1%); Anh 6,7 triệu USD (giảm khoảng 22%); Canada 7,6 triệu USD (giảm khoảng 9,2%);...

6. Cà phê

Kim ngạch xuất khẩu cà phê tháng 3/2019 ước đạt 40 triệu USD tăng khoảng 172% so với tháng 02/2019 và giảm khoảng 16,15% so với cùng kỳ. Lượng cà phê xuất khẩu tháng 3/2019 ước đạt 26,6 ngàn tấn, tăng khoảng 172% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 2,3% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu cà phê tháng 3/2019 tại một số thị trường chủ yếu như sau: Italia 5,6 triệu USD; Bỉ 8,8 triệu USD; Đức 4,1 triệu USD; Hoa Kỳ 5,1 triệu USD; Tây Ban Nha 1,9 triệu USD; Algeria 1,58 triệu USD; Malaysia 1,3 triệu USD;...

Giá cà phê xuất khẩu tháng 3/2019 bình quân ước đạt 1.501 USD/tấn, giảm 5,08% so với tháng 02/2019, giảm khoảng 18% so với cùng kỳ.

Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019, sản lượng cà phê xuất khẩu ước đạt 52,7 ngàn tấn, tương đương 80,5 triệu USD giảm khoảng 19% về lượng và giảm khoảng 32,75% về giá trị so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Bỉ 14,4 triệu USD; Italia 13 triệu USD; Hoa Kỳ 10 triệu USD; Đức 9,5 triệu USD; Tây Ban Nha 4,1 triệu USD; Algeria 3,5 triệu USD; Malaysia 2,7 triệu USD; Mexico 2,5 triệu USD.

7. Cao su

Kim ngạch xuất khẩu cao su tháng 3/2019 ước đạt 4,2 triệu USD tăng khoảng 13,6% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 51,6% so với cùng kỳ. Lượng cao su xuất khẩu tháng 3/2019 ước đạt 3 ngàn tấn, tăng khoảng 13,6% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 100% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu cao su tháng 3/2019 tại một số thị trường chủ yếu như sau: Trung Quốc 2 triệu USD; Đài Loan 717 ngàn USD; Đức 529 ngàn USD; Pháp 204 ngàn USD; Thái Lan 191 ngàn USD; Ấn Độ 169 ngàn USD;...

Giá cao su xuất khẩu tháng 3/2019 bình quân ước đạt 1.359 USD/tấn, tăng khoảng 2,13% so với tháng 02/2019, giảm khoảng 24,2% so với cùng kỳ.

Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019, sản lượng cao su xuất khẩu ước đạt 10 ngàn tấn, tương đương 13,5 triệu USD, tăng khoảng 48% về lượng và tăng khoảng 87,7% về giá trị so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Trung Quốc 6,8 triệu USD; Đức 1,6 triệu USD; Đài Loan 1,3 triệu USD; Brazil 1,1 triệu USD; Malaysia 827 ngàn USD; Hà Lan 822 ngàn USD; Thái Lan 697 ngàn USD; Ấn Độ 500 ngàn USD;...

8. Hạt điều nhân

Kim ngạch xuất khẩu hạt điều nhân tháng 3/2019 ước đạt 20 triệu USD tăng khoảng 152% so với tháng 02/2019, giảm khoảng 16% so với cùng kỳ. Lượng hạt điều xuất khẩu tháng 3/2019 ước đạt 2,5 ngàn tấn, tăng khoảng 152% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 4,8% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu hạt điều nhân tháng 3/2019 tại một số thị trường chủ yếu như sau: Hoa Kỳ 6,8 triệu USD; Trung Quốc 6,7 triệu USD; Italia 910 ngàn USD; Anh 862 ngàn

USD; Thái Lan 651 ngàn USD; Ả Rập Xê Út 618 ngàn USD; Bangladesh 422 ngàn USD;...

Giá hạt điều xuất khẩu tháng 3/2019 bình quân ước đạt 7.925 USD/tấn, tương đương so với tháng 02/2019, giảm khoảng 20,8% so với cùng kỳ.

Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019, sản lượng hạt điều xuất khẩu ước đạt 6,7 ngàn tấn, tương đương 53,3 triệu USD, giảm khoảng 15% về lượng và giảm khoảng 32,46% về giá trị so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Trung Quốc 19,5 triệu USD; Hoa Kỳ 16,5 triệu USD; Anh 2 triệu USD; Italia 1,9 triệu USD; Thái Lan 1,5 triệu USD; Thổ Nhĩ Kỳ 1,36 triệu USD; Đức 1,1 triệu USD;...

9. Hạt tiêu

Kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu tháng 3/2019 ước đạt 1,9 triệu USD tăng khoảng 137% so với tháng 02/2019 và giảm khoảng 26,8% so với cùng kỳ. Lượng hạt tiêu xuất khẩu tháng 3/2019 ước đạt 708 tấn, tăng khoảng 137% so với tháng 02/2019 và tăng khoảng 6,95% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu tháng 3/2019 tại một số thị trường chủ yếu như sau: Hoa Kỳ 956 ngàn USD; Iran 269 ngàn USD; Pakistan 220 ngàn USD; Đức 192 ngàn USD; Hà Lan 126 ngàn USD;...

Giá hạt tiêu xuất khẩu tháng 3/2019 bình quân ước đạt 2.716 USD/tấn, tương đương so với tháng 02/2019, giảm khoảng 31,62% so với cùng kỳ.

Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019, sản lượng hạt tiêu xuất khẩu ước đạt 1,7 ngàn tấn, tương đương 5 triệu USD, giảm khoảng 12,69% về lượng và giảm khoảng 36,8% về giá trị so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Hoa Kỳ 3 triệu USD; Đức 353 ngàn USD; Iran 383 ngàn USD; Pakistan 319 ngàn USD; Philipines 181 ngàn USD; Ả Rập Xê Út 181 ngàn USD;...

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) nhận định, hiện nay thị trường thế giới đang ưa chuộng chủng loại hạt tiêu trắng, nhưng tỷ trọng hạt tiêu trắng của Việt Nam chỉ chiếm khoảng 10% tổng lượng xuất khẩu trong khi hạt tiêu đen chiếm tới 90%. Nếu so sánh với Indonesia, tỷ trọng hạt tiêu trắng chiếm tới 80% lượng xuất khẩu. Ngành công nghiệp chế biến tiêu của Indonesia hiện nay rất phát triển với các sản phẩm hạt tiêu cao cấp đem lại hiệu quả kinh tế cao. Vì vậy, ngành hạt tiêu Việt Nam cần chú trọng hơn nữa đến khâu chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao giá trị xuất khẩu, đồng thời cần có sự chuyển dịch về cơ cấu chủng loại xuất khẩu.

10. Các mặt hàng xuất khẩu khác

Kim ngạch, sản lượng xuất khẩu của một số mặt hàng khác trong tháng 3/2019 như sau:

- Phương tiện vận tải và phụ tùng ước đạt 80 triệu USD, tăng khoảng 64% so với tháng 02/2019, tăng 3,5% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Nhật Bản 14,8 triệu USD; Trung Quốc 13,3 triệu USD; Hoa Kỳ 11,9

triệu USD; Mexico 6,5 triệu USD; Ấn Độ 4,5 triệu USD; Hàn Quốc 3,1 triệu USD; Thái Lan 3,1 triệu USD;...

- Sản phẩm từ sắt thép ước đạt 71,9 triệu USD, tăng khoảng 77% so với tháng 02/2019 và tăng khoảng 18,67% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Hoa Kỳ 32,2 triệu USD; Nhật Bản 6,9 triệu USD; Bỉ 6,1 triệu USD; Hàn Quốc 6,1 triệu USD; Hà Lan 2,8 triệu USD; Đức 1,7 triệu USD; Ba Lan 1,4 triệu USD;...

- Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ước đạt khoảng 65 triệu USD khoảng 78,65% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 7,5% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Nhật Bản 18 triệu USD; Singapore 16 triệu USD; Trung Quốc 10,2 triệu USD; Hồng Kông 8,5 triệu USD; Thái Lan 2,5 triệu USD; Hoa Kỳ 2 triệu USD; Hàn Quốc 1,1 triệu USD;...

- Sản phẩm từ chất dẻo ước đạt 33 triệu USD, tăng khoảng 66% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 6,87% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Nhật Bản 10,4 triệu USD, Indonesia 4,2 triệu USD, Hoa Kỳ 3 triệu USD, Đài Loan 2,2 triệu USD; Hàn Quốc 1,4 triệu USD, Thái Lan 1,3 triệu USD;...

- Chất dẻo nguyên liệu ước đạt 21 triệu USD, tăng khoảng 60% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 21% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Hoa Kỳ 4,4 triệu USD; Nhật Bản 5,2 triệu USD; Trung Quốc 3,7 triệu USD; Indonesia 1,6 triệu USD; Thái Lan 1,9 triệu USD; Bangladesh 0,5 triệu USD;...

- Sản phẩm gốm, sứ ước đạt 5,2 triệu USD, tăng 20% so với tháng 02/2019, giảm khoảng 13% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Indonesia 1,7 triệu USD; Đài Loan 1,3 triệu USD; Argentina 0,4 triệu USD; Malaysia 0,26 triệu USD;...

- Túi xách, vali, ví, mũ và ô dù ước đạt 22,7 triệu USD, tăng khoảng 45% so với tháng 02/2019 và tăng khoảng 8,1% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Hoa Kỳ 12,7 triệu USD; Nhật Bản 2,7 triệu USD; Hà Lan 1,2 triệu USD; Bỉ 0,7 triệu USD; Hàn Quốc 0,8 triệu USD; Canada 0,76 triệu USD;...

- Sắt thép các loại ước đạt 46,6 triệu USD, tăng khoảng 70% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 24% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Hoa Kỳ 10 triệu USD, Campuchia 6 triệu USD, Thái Lan 4,8 triệu USD; Hàn Quốc 3,3 triệu USD; Italia 3,1 triệu USD; Hà Lan 2,5 triệu USD; Nhật Bản 2,3 triệu USD;...

10. Kim ngạch xuất khẩu đối với nhóm hàng như sau:

- Đối với nhóm hàng công nghiệp, công nghiệp chế biến:

Kim ngạch xuất khẩu tháng 3/2019 của nhóm hàng này ước đạt 1,4 triệu USD, chiếm khoảng 80,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng khoảng 8,75% so với cùng kỳ.

Hầu hết mặt hàng chủ yếu thuộc nhóm hàng này dự ước tăng mạnh so với tháng 02/2019 như: gỗ và sản phẩm gỗ tăng khoảng 176%; hàng dệt may tăng khoảng 139%; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng khoảng 83,6%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng khoảng 78,65%; sản phẩm từ sắt thép tăng khoảng 77%;...

So với cùng kỳ thì các mặt hàng chủ yếu hầu hết đều tăng trưởng khá, cụ thể: hàng dệt may tăng khoảng 24,65%; giày dép tăng khoảng 21%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng khoảng 15%; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác tăng khoảng 22%; sản phẩm từ sắt thép tăng khoảng 18%; máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện tăng khoảng 7,5%,...

- Đối với nhóm hàng nông sản, thủy sản:

Với nhóm hàng nông sản, thủy sản, kim ngạch xuất khẩu tháng 3/2019 ước đạt 76 triệu USD, tăng khoảng 43,6% so với tháng 02/2019, giảm khoảng 20,5% so với cùng kỳ, chiếm khoảng 4,3% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Luỹ kế 03 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản giảm 26% so với cùng kỳ: hạt điều giảm 32,46%; cà phê giảm 32,75%; cao su giảm 36,8%.

Đối với nhóm hàng hóa khác:

Với nhóm hàng hóa khác, dự ước kim ngạch xuất khẩu tháng 3/2019 ước đạt 270 triệu USD, tăng khoảng 93% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 36% so với cùng kỳ và chiếm khoảng 15,4% tổng kim ngạch xuất khẩu.

III. MỘT SỐ NHÓM HÀNG NHẬP KHẨU CHÍNH

1. Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng

Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này tháng 3/2019 ước đạt 152,7 triệu USD, tăng khoảng 50% so với tháng 02/2019 và tăng khoảng 12% so với cùng kỳ. Luỹ kế 03 tháng đầu năm ước đạt 430 triệu USD tăng 2,4% so với cùng kỳ.

2. Chất dẻo nguyên liệu:

Kim ngạch nhập khẩu tháng 3/2019 của nhóm hàng này ước đạt khoảng 144 triệu USD, tăng khoảng 65,87% so với tháng 02/2019 và tăng khoảng 4,8% so với cùng kỳ. Luỹ kế 03 tháng đầu năm 2019 ước đạt 367 triệu USD, tăng 4,24% so với cùng kỳ.

3. Sắt thép các loại

Sản lượng sắt thép nhập khẩu tháng 3/2019 ước đạt khoảng 122 ngàn tấn tương đương 114 triệu USD, tăng khoảng 53% về lượng và về giá trị so với tháng 02/2019; tăng khoảng 33% về lượng và tăng khoảng 23% về giá trị so với cùng kỳ. Luỹ kế 03 tháng đầu năm 2019 ước đạt 322,6 ngàn tấn, tương đương 297 triệu USD, tăng 11% về lượng và tăng 3% về giá trị so với cùng kỳ.

4. Các mặt hàng nhập khẩu khác

4.1. Kim ngạch, sản lượng nhập khẩu của một số mặt hàng khác trong tháng 3/2019 như sau:

- Hóa chất ước đạt 135 triệu USD, tăng khoảng 63% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 3% so với cùng kỳ. Luỹ kế 03 tháng đầu năm ước đạt 342 triệu USD giảm khoảng 2,08% so với cùng kỳ.

- Kim loại thường khác ước đạt 26 ngàn tấn tương đương 101,5 triệu USD, tăng khoảng 44% về lượng và về giá trị so với tháng 02/2019, tăng khoảng 19 về lượng và giảm khoảng 2,75% về giá trị so với cùng kỳ. Luỹ kế 03 tháng đầu năm 2019 ước đạt 272 triệu USD, tăng khoảng 5,5% so với cùng kỳ.

- Thức ăn gia súc và nguyên liệu ước đạt khoảng 110 triệu USD, tăng khoảng 250% so với tháng 02/2019 và tăng 12% so với cùng kỳ. Luỹ kế 03 tháng đầu năm 2019 ước đạt 210,5 triệu USD tăng 5,9% so với cùng kỳ.

- Vải các loại đạt khoảng 85,4 triệu USD, tăng khoảng 67% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 13,9% so với cùng kỳ. Luỹ kế 03 tháng đầu năm 2019 ước đạt 219 triệu USD tăng 1,3% so với cùng kỳ.

- Bông các loại ước đạt 99 triệu USD, tăng khoảng 350% so với tháng 02/2019 và tăng khoảng 8,95% so với cùng kỳ. Luỹ kế 03 tháng đầu năm 2019 ước đạt 119 triệu USD, tăng khoảng 5,59% so với cùng kỳ.

- Nguyên phụ liệu dệt may, da giày ước đạt khoảng 58,8 triệu USD, giảm khoảng 24% so với tháng trước, tăng khoảng 15,13% so với cùng kỳ. Luỹ kế 03 tháng đầu năm 2019 ước đạt 187,8 triệu USD, giảm khoảng 8% so với cùng kỳ.

- Xơ, sợi dệt các loại ước đạt 53,5 triệu USD, tăng khoảng 84% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 8,7% so với cùng kỳ. Luỹ kế 03 tháng đầu năm 2019 ước đạt 129 triệu USD, tăng 3,54% so với cùng kỳ.

So với cùng kỳ, các mặt hàng thuộc nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu đều tăng trưởng khá gồm: sắt thép các loại tăng khoảng 23,2%; vải các loại tăng khoảng 13,94%; sản phẩm hoá chất tăng khoảng 12%; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng khoảng 11,9%; bông các loại tăng khoảng 9%; xơ các loại tăng khoảng 8,7%;....

4.2. Kim ngạch nhập khẩu của nhóm hàng tiêu dùng tháng 3/2019 ước đạt 155 triệu USD, tăng 50,5 so với tháng 2/2019 và chiếm 10,1% tổng kim ngạch nhập khẩu của tỉnh.

IV. VỀ THỊ TRƯỜNG

1. Thị trường xuất khẩu chủ yếu

1.1. Thị trường Hoa Kỳ

Kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Hoa kỳ tháng 3/2019 ước đạt 542,8 triệu USD, tăng khoảng 105% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 31,7% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng chủ yếu xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ tháng 3/2019 như sau: giày dép các loại 136 triệu USD (tăng khoảng 50%), hàng dệt, may 72,8 triệu USD (tăng khoảng 139%), gỗ và sản phẩm gỗ 78,2 triệu USD

(tăng khoảng 176%), máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác 31,6 triệu USD (tăng khoảng 83,6%), sản phẩm từ sắt thép 32 triệu USD (tăng khoảng 77%);... Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ ước đạt khoảng 1.319 triệu USD tăng khoảng 18,39% so với cùng kỳ.

1.2. Thị trường Nhật Bản

Kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản tháng 3/2019 ước đạt 209 triệu USD, tăng khoảng 83% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 27% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu vào thị trường Nhật Bản tháng 3/2019 so với tháng trước gồm: hàng dệt may đạt 22 triệu USD (tăng khoảng 139%); phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 14,8 triệu USD (tăng khoảng 64%); máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác đạt 18 triệu USD (tăng khoảng 83,6%); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 18 triệu USD (tăng khoảng 78,6%); giày dép các loại đạt 14 triệu USD (tăng khoảng 50%);... Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản đạt khoảng 527 triệu USD; tăng khoảng 21% so với cùng kỳ.

1.3. Thị trường Trung Quốc:

Kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc tháng 3/2019 ước đạt 192 triệu USD tăng khoảng 56,5% so với tháng 02/2019 và tăng khoảng 18,47% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu vào thị trường Trung Quốc tháng 3/2019 gồm: giày dép các loại 57 triệu USD (tăng khoảng 50%); xơ, sợi dệt các loại 50 triệu USD (tăng khoảng 40%); phương tiện vận tải và phụ tùng 13 triệu USD (tăng khoảng 64%); nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày 12 triệu USD (tăng khoảng 45%); máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng 11,6 triệu USD (tăng khoảng 83,6%);... Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc đạt khoảng 506 triệu USD tăng khoảng 11,3% so với cùng kỳ.

1.4. Thị trường khác:

Một số thị trường khác có kim ngạch xuất khẩu khá cao trong tháng 3/2019 cụ thể: Hàn Quốc ước đạt 113,5 triệu USD tăng khoảng 21% so với cùng kỳ; Bỉ ước đạt 84 triệu USD, tăng khoảng 73% so với cùng kỳ.

2. Thị trường nhập khẩu chủ yếu

2.1. Thị trường Trung Quốc:

Tháng 3/2019 kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc ước đạt 232 triệu USD tăng khoảng 52% so với tháng 02/2019, giảm khoảng 5% so với cùng kỳ. Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc ước đạt 699 triệu USD, tăng 22% so với cùng kỳ.

2.2. Thị trường Hàn Quốc:

Dự ước tháng 3/2019 kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc đạt khoảng 261 triệu USD tăng khoảng 55% so với tháng 02/2019, tăng khoảng 36% so với cùng kỳ. Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc đạt 683 triệu USD, giảm khoảng 7% so với cùng kỳ.

2.3. Thị trường Đài Loan:

Thị trường Đài Loan với dự ước mức kim ngạch tháng 3/2019 đạt khoảng 161 triệu USD, tăng khoảng 65% so với tháng 02/2019 và tăng khoảng 21% so với cùng kỳ. Lũy kế 03 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Đài Loan đạt 432 triệu USD, tương đương so với cùng kỳ.

2.4. Thị trường khác:

Các thị trường khác dự ước có kim ngạch nhập khẩu vào Đồng Nai khá cao trong tháng 3/2019 gồm Nhật Bản ước đạt 171 triệu USD, Hoa Kỳ ước đạt 104 triệu USD, Thái Lan ước đạt 92 triệu USD, Indonesia ước đạt 43 triệu USD, Brazil ước đạt 28 triệu USD, Malaysia ước đạt 25 triệu USD,...

Trên đây là báo cáo dự ước kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tháng 3/2019 của tỉnh Đồng Nai. Sở Công Thương Đồng Nai kính báo cáo.

Nơi nhận:

- Đ/c Đinh Quốc Thái (Chủ tịch tỉnh);
 - Đ/c Trần Văn Vĩnh (Phó Chủ tịch tỉnh);
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Văn phòng tỉnh ủy;
 - Sở KH&ĐT;
 - Cục Hải quan;
 - Cục Thống kê;
 - Lãnh đạo Sở;
 - Lưu: VT, QLTM.
- NVAT

GIÁM ĐỐC



Đương Minh Dũng